TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 07-8-2017
"V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Ẩn**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Thu Hà**.

2. Ông **Nguyễn Văn Móm Em**.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Kiều Minh Tiến** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 501/2017/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2017 về "***Tranh chấp về hôn nhân và gia đình***" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lê Thanh A** - sinh năm: 1967 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: ấp C, xã D, huyện E, tỉnh F.

2. Bị đơn: Bà **Dương Thị B** - sinh năm: 1971 (Vắng có đơn xin vắng **B**mặt);

Địa chỉ cư trú: ấp G, xã D, huyện E, tỉnh F.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 12/7/2017, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Thanh A trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: ông A và bà B do quen biết và được sự chấp thuận của hai bên gia đình rồi đi đến hôn nhân, ông bà có tổ chức lễ cưới vào năm 1989 nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới ông bà sống chung với gia đình cha mẹ ruột của ông A tại ấp C, xã D, huyện E, tỉnh F. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 1991 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cự cải với nhau. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 04/1992 cho đến nay.

Nay ông A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà Dương Thị B.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Lê Hoàng I, sinh ngày 15/7/1992. Cháu I đã thành niên nên ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ phải thu, phải trả: Ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra ông A không còn ý kiến gì thêm.

** Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Dương Thị B trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà B thống nhất theo toàn bộ lời trình bày của ông A.

Nay với yêu cầu xin ly hôn ông A thì bà B đồng ý.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Lê Hoàng I, sinh ngày 15/7/1992. Cháu I đã thành niên nên bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ phải thu, phải trả: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà B không còn ý kiến gì thêm.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Chứng minh nhân dân (bản sao), Sổ hộ khẩu (bản sao), Giấy khai sinh (bản sao), 02 Đơn xin xác nhận.

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến, đơn xin vắng mặt không tham gia tố tụng tại tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Ông A và bà B thống nhất thuận tình ly hôn nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn. Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: ông A và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Ông Lê Thanh A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn nhân giữa ông và bà B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Bà Dương Thị B vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông A và bà B do quen biết rồi về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn theo

quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên ông A và bà B không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

- Về con chung: Ông A và bà B thống nhất xác định có 01 con chung tên Lê Hoàng I, sinh ngày 15/7/1992. Cháu I đã thành niên nên ông A và bà B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông A và bà B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

- Về nợ chung phải thu, phải trả**:** Ông A và bà B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Lê Thanh A phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**** Tuyên xử:***

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Không công nhận ông Lê Thanh A và bà Dương Thị B là vợ chồng .

- *Về con chung*: Ông Lê Thanh A và bà Dương Thị B thống nhất xác định có 01 con chung tên Lê Hoàng I, sinh ngày 15/7/1992. Cháu Lê Hoàng I đã thành niên nên ông Lê Thanh A và bà Dương Thị B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Ông Lê Thanh A và bà Dương Thị B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Ông Lê Thanh A và bà Dương Thị B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

- *Án phí dân sự sơ thẩm*:

Buộc ông Lê Thanh A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0} 0008147, ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Vũng Liêm. Ông Lê Thanh A đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và

Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Ẩn

Nơi nhận:
- TA tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.